

Số: 157/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (gọi tắt là "Ngân hàng"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017, từ trang 5 đến trang 68, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác, với báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2016 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng	6	2.702.464	2.365.873
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7	4.548.669	5.737.827
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	8	22.981.272	11.407.028
Tiền gửi tại các TCTD khác	8.1	22.136.678	10.305.378
Cho vay các TCTD khác	8.2	844.594	1.101.650
Chứng khoán kinh doanh	9	70.822	64.696
Chứng khoán kinh doanh		79.894	79.227
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(9.072)	(14.531)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10	122.014	-
Cho vay khách hàng		251.437.408	220.071.514
Cho vay khách hàng	11	253.881.279	222.183.039
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	13	(2.443.871)	(2.111.525)
Hoạt động mua nợ	12	11.755	11.755
Mua nợ		12.374	12.374
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(619)	(619)
Chứng khoán đầu tư	14	67.657.569	60.877.866
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		41.136.951	40.644.696
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		30.052.839	23.642.213
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(3.532.221)	(3.409.043)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	30.609	69.109
Đầu tư dài hạn khác		30.888	69.388
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(279)	(279)
Tài sản cố định		3.996.236	4.083.136
Tài sản cố định hữu hình	16.1	1.691.192	2.056.737
Nguyên giá TSCĐ		2.509.817	2.806.133
Hao mòn TSCĐ		(818.625)	(749.396)
Tài sản cố định vô hình	16.2	2.305.044	2.026.399
Nguyên giá TSCĐ		2.479.940	2.178.419
Hao mòn TSCĐ		(174.896)	(152.020)
Bất động sản đầu tư		-	52.734
Nguyên giá BĐSĐT		-	53.429
Hao mòn BĐSĐT		-	(695)
Tài sản Có khác	17	58.253.520	56.940.836
Các khoản phải thu		19.861.410	20.225.546
Các khoản lãi, phí phải thu		38.057.971	36.366.433
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		5.609	5.609
Tài sản Có khác		622.042	634.943
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(293.512)	(291.695)
TỔNG TÀI SẢN		411.812.338	361.682.374

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	1.603.514	5.633.342
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	42.856.586	29.901.864
Tiền gửi của các TCTD khác	19.1	21.404.382	12.238.402
Vay các TCTD khác	19.2	21.452.204	17.663.462
Tiền gửi của khách hàng	20	336.200.533	295.152.233
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	10	-	172.318
Phát hành giấy tờ có giá	21	6.510.000	6.510.000
Các khoản nợ khác	22	9.158.483	8.851.209
Các khoản lãi, phí phải trả		7.523.117	7.143.748
Các khoản phải trả và công nợ khác		1.635.366	1.707.461
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		396.329.116	346.220.966
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD	24	14.312.486	14.303.049
Vốn điều lệ		14.294.801	14.294.801
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		45	45
Thặng dư vốn cổ phần		95.912	95.912
Cổ phiếu quỹ		(87.709)	(87.709)
Vốn khác		9.437	-
Quỹ của TCTD		449.129	449.129
Lợi nhuận chưa phân phối		563.150	530.506
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	158.457	178.724
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.483.222	15.461.408
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		411.812.338	361.682.374

Handwritten signature

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị: Triệu VND

<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Bảo lãnh vay vốn	74.531	69.531
Cam kết mua ngoại tệ	1.641.974	1.938.644
Cam kết bán ngoại tệ	295.972	826.367
Cam kết giao dịch hoán đổi	23.246.464	19.987.095
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	133.311	191.882
Bảo lãnh khác	1.640.281	1.086.732
Các cam kết khác	1.497.468	1.398.246
45	28.530.001	25.498.497



Thái Khánh Vân
Giám đốc Kế toán



Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng



Võ Tấn Hoàng Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	12.538.111	11.521.532
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(11.621.770)	(9.925.649)
I. Thu nhập lãi thuần		916.341	1.595.883
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		700.506	505.217
Chi phí hoạt động dịch vụ		(295.489)	(208.801)
II. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	405.017	296.416
III. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	1.177	8.172
IV. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	11.492	10.977
V. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	518.861	215.476
Thu nhập từ hoạt động khác		97.759	145.591
Chi phí từ hoạt động khác		(55.854)	(5.851)
VI. Lãi thuần từ hoạt động khác	33	41.905	139.740
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	4.394	4.130
VIII. Chi phí hoạt động	35	(1.332.230)	(877.831)
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		566.957	1.392.963
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13	(469.253)	(1.261.836)
XI. Lợi nhuận trước thuế		97.704	131.127
XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36	(20.347)	(26.773)
XIII. Lợi nhuận sau thuế		77.357	104.354
<i>Phân phối cho:</i>			
Các cổ đông phổ thông của Ngân hàng		73.141	95.881
Các cổ đông không kiểm soát	25	4.216	8.473
XIV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	26	51	67



Thái Khánh Vân
Giám đốc Kế toán



Nguyễn Văn Hùng
Kế toán trưởng




Võ Tấn Hoàng Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2017